

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Nghị định số 28/2022/NQ-CP ngày 26/4/2022 về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

Căn cứ Kết luận số 380-KL/TU ngày 28/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh,

Thực hiện Kế hoạch số /KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh

Theo đề nghị của Ban Dân tộc tại Tờ trình số 35/TTr-BDT ngày 25/8/2022, Công văn số 395/BDT-KHTH ngày 20/9/2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2022

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm được nhựa hóa, bê tông hóa; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học 2 trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ DTTS, trong đó: Giải quyết đất ở cho 138 hộ; giải quyết nhà ở cho 272 hộ; hỗ trợ đất sản xuất (Chuyển đổi nghề) cho 540 hộ; hỗ trợ nước phân tán cho 231 hộ; nước sinh hoạt tập trung 03 công trình.

- 90% phụ nữ có thai được phổ biến kiến thức, khám thai định kỳ, hỗ trợ y tế, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng cho 100% trẻ em suy dinh dưỡng vùng đồng bào DTTS.

- Đào tạo nghề cho khoảng 300 người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 100 hộ đồng bào DTTS và hộ dân tộc Kinh nghèo, cận nghèo ở xã đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện đầu tư bảo tồn 01 làng, bản, buôn... truyền thống tiêu biểu của các DTTS gắn với phát triển du lịch; xây dựng 06 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS và MN); bảo tồn 01 lễ hội truyền thống tiêu biểu tại vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; tổ chức 01 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ cho 09 đội văn nghệ được thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS và MN; xây dựng cho 06 tủ sách cho các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS và MN; hỗ trợ trang thiết bị cho 05 nhà văn hóa, thể thao tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào DTTS và MN.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở; hỗ trợ, tạo điều kiện cho người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho khoảng 500 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN được thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN trên phạm vi của tỉnh; Trong đó, ưu tiên nguồn lực đầu tư cho địa bàn đặc biệt khó khăn (ĐBK) thuộc vùng đồng bào DTTS và MN.

2. Đối tượng thụ hưởng

- Xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.
- Hộ gia đình, cá nhân người DTTS; Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKk.
- Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn ĐBKk.

3. Định mức thực hiện Chương trình

- Ngân sách Trung ương: Thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính; Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy Ban Dân tộc.
- Ngân sách địa phương đối ứng: Thực hiện theo Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Vốn vay: Thực hiện theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

4. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Đối tượng thụ hưởng: Hộ DTTS nghèo; hộ dân tộc Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKk vùng đồng bào DTTS và MN chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu từ 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt. Ưu tiên hộ nghèo DTTS thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; hộ nghèo có phụ nữ là chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động.

b) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo điểm c khoản 1 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 1: 48.931,45 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 31.543 triệu đồng (vốn ĐT: 25.450 triệu đồng; vốn SN: 6.093 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương đối ứng 15%: 4.488,45 triệu đồng (vốn ĐT: 3.817,50 triệu đồng; vốn SN: 670,95 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh đối ứng 10%: 3.154,30 triệu đồng (vốn ĐT: 2.545 triệu đồng, vốn SN: 609,30 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện đối ứng 05%: 1.334,15 triệu đồng (vốn ĐT: 1.272,50 triệu đồng; vốn SN: 61,65 triệu đồng).

- Vốn vay Ngân hàng CSXH: 12.900 triệu đồng.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn và những nơi cần thiết.

a) Phạm vi áp dụng: Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng ĐBKK, vùng biên giới, hộ DTTS còn du canh, dân di cư tự do và những nơi cần thiết, đặc biệt là vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai trên địa bàn ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS và MN.

b) Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: Hộ đồng bào DTTS còn du canh, du cư; Hộ gia đình cá nhân di cư tự do đến địa bàn các xã, thôn ĐBKK; hộ gia đình, cá nhân sống ở địa bàn ĐBKK; hộ gia đình, cá nhân tự nguyện di chuyển đến sinh sống ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư tập trung hoặc được bố trí đến sinh sống ổn định ở các xã biên giới, các điểm bố trí dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước. Xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN. Đầu tư hoàn chỉnh các dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 25/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 2 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện Dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

e) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 2: 89.627,55 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (vốn ĐT): 77.937 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (vốn ĐT): 11.690,55 triệu đồng (NS tỉnh: 7.793,70 triệu đồng; NS huyện: 3.896,85 triệu đồng).

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiêu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 3 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiêu dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiêu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiêu dự án 1:** 9.719,80 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 8.452 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn SN): 1.267,80 triệu đồng (NS tỉnh: 845,20 triệu đồng; NS huyện: 422,60 triệu đồng).

b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN

- **Nội dung số 1:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

+ **Đối tượng, địa bàn và nội dung:** Thực hiện theo điểm b khoản 3 Mục III Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Phân công thực hiện:

* Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiêu dự án.

* UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

- **Nội dung số 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS & MN**

+ **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm b khoản 3 Mục III Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Phân công thực hiện:

* Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN.

* Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS.

* UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung liên quan trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo định kỳ, đột xuất.

+ **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 2:** 2.832,45 triệu đồng, cụ thể:

* Ngân sách Trung ương (vốn SN): 2.463 triệu đồng.

* Ngân sách địa phương (vốn SN): 369,45 triệu đồng (NS tỉnh: 246,30 triệu đồng; NS huyện 123,15 triệu đồng).

c) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 3: 12.552,25 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (vốn SN): 10.915 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (vốn SN): 1.637,25 triệu đồng (NS tỉnh: 1.091,50 triệu đồng; NS huyện 545,75 triệu đồng).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc

a) Phạm vi: Các xã, thôn vùng đồng bào DTTS và MN.

b. Nội dung thực hiện:

- **Nội dung số 01:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS và MN; ưu tiên đối với các xã, thôn ĐBKK. Thực hiện theo điểm a khoản 4 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- **Nội dung số 02:** Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng biên giới đồng bào DTTS và MN: Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và MN; cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và MN tại các xã biên giới. Thực hiện theo điểm a khoản 4 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án và hướng dẫn thực hiện Nội dung số 01.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Nội dung số 02.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 4: 47.972,75 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 41.425 triệu đồng (vốn ĐT: 40.301 triệu đồng; vốn SN; 1.124 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 6.547,75 triệu đồng (vốn ĐT: 6.379,15 triệu đồng; vốn SN: 168,60 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 4.476,50 triệu đồng (vốn ĐT: 4.364,10 triệu đồng; vốn SN: 112,40 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện: 2.071,25 triệu đồng (vốn ĐT: 2.015,05 triệu đồng; vốn SN: 56,20 triệu đồng).

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 5 Mục III Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 1:** 8.457,10 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương: 7.354 triệu đồng (vốn ĐTPT: 6.708 triệu đồng; vốn SN: 646 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 1.103,10 triệu đồng (vốn ĐTPT: 1.006,20 triệu đồng; vốn SN: 96,90 triệu đồng), trong đó: Ngân sách tỉnh: 735,40 triệu đồng (vốn ĐT: 670,80 triệu đồng; SN 64,60 triệu đồng); Ngân sách huyện: 367,70 triệu đồng (vốn ĐT: 335,40 triệu đồng; SN: 32,30 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 2:** 2.701,35 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 2.349 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng 15% (vốn SN): 252,35 triệu đồng.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm người lao động vùng DTTS và MN

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức, triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 3:** 11.905,95 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 10.353 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn SN): 1.552,95 triệu đồng (NS tỉnh: 1.035,30 triệu đồng; NS huyện: 517,65 triệu đồng).

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

- **Đối tượng và nội dung thực hiện:** Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 5 Mục III Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 4:** 583,05 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 507 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn SN): 76,05 triệu đồng (NS tỉnh: 50,70 triệu đồng; NS huyện: 25,35 triệu đồng).

e) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 5: 23.647,45 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 20.563 triệu đồng (vốn ĐT: 6.708 triệu đồng; vốn SN: 13.855 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 3.084,45 triệu đồng (vốn ĐT: 1.006,20 triệu đồng; vốn SN: 2.078,25 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 2.173,75 triệu đồng (vốn ĐT: 670,80 triệu đồng; vốn SN: 1.502,95 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện: 910,70 triệu đồng (vốn ĐT: 335,40 triệu đồng; vốn SN: 575,30 triệu đồng).

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

a) Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phân công thực hiện:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan tổ chức thực hiện các nội dung được giao và hướng dẫn địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ và đề xuất phân bổ các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 6: 7.557,90 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 6.526 triệu đồng (vốn ĐT: 5.210 triệu đồng; vốn SN: 1.316 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 1.031,90 triệu đồng (vốn ĐT: 834,50 triệu đồng; vốn SN: 197,40 triệu đồng).

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo khoản 7 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phân công thực hiện:

- Sở Y tế là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 7: 1.068,35 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (vốn SN): 929 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (vốn SN): 139,35 triệu đồng.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo khoản 8 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 1218/KH-

ĐCT ngày 08/3/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

b) Phân công thực hiện:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Tiểu dự án theo định kỳ, đột xuất.

c) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 8: 1.235,10 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (vốn SN): 1.074 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương (vốn SN): 161,10 triệu đồng.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- **Đối tượng, phạm vi và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 9 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 1:** 2.133,25 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 1.855 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn SN): 278,25 triệu đồng (NS tỉnh: 185,50 triệu đồng; NS huyện: 92,75 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và MN

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm b khoản 9 Mục III Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 2:** 811,90 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 706 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (vốn SN): 105,90 triệu đồng (NS tỉnh: 70,60 triệu đồng; NS huyện: 35,30 triệu đồng).

c) Phân công thực hiện Dự án 9:

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 9: 2.945,15 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương (vốn SN): 2.561 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương (vốn SN): 384,15 triệu đồng (NS tỉnh: 256,10 triệu đồng; NS huyện: 128,05 triệu đồng).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030

- **Nội dung số 01:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của già làng tiêu biểu, người có uy tín

- **Nội dung số 02:** Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

- **Nội dung số 03:** Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS và MN

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm a khoản 10 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

- **Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 1:** 1.727,30 triệu đồng, cụ thể:

- + Ngân sách Trung ương (vốn SN): 1.502 triệu đồng.
- + Ngân sách tỉnh (vốn SN): 225,30 triệu đồng (NS tỉnh: 150,20 triệu đồng; NS huyện: 75,10 triệu đồng).

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN

- **Đối tượng và nội dung:** Thực hiện theo điểm b khoản 10 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

+ Sở Thông tin Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung “Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự”.

- Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 2: 601,55 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương: 517 triệu đồng (vốn ĐT: 454 triệu đồng; vốn SN: 63 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương: 84,55 triệu đồng (vốn ĐT: 75,10 triệu đồng; vốn SN: 9,45 triệu đồng), trong đó NS tỉnh: 58,70 triệu đồng (vốn ĐT: 52,40 triệu đồng; SN: 6,30 triệu đồng); NS huyện: 25,85 triệu đồng (vốn ĐT: 22,70 triệu đồng; NS: 3,15 triệu đồng).

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn việc tổ chức thực hiện Chương trình

- Đối tượng và nội dung: Thực hiện theo điểm c khoản 10 Mục III Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự kiến vốn thực hiện Tiểu dự án 3: 254,15 triệu đồng, cụ thể:

+ Ngân sách Trung ương (vốn SN): 221 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh (vốn SN): 33,15 triệu đồng (NS tỉnh: 22,10 triệu đồng; NS huyện: 11,05 triệu đồng).

- Phân công thực hiện:

+ Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện dự án.

+ UBND cấp huyện có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, đột xuất.

d) Dự kiến vốn thực hiện Dự án 10: 2.583 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.240 triệu đồng (vốn ĐT: 454 triệu đồng; vốn SN: 1.786 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 343 triệu đồng (vốn ĐT: 75,10 triệu đồng; vốn SN 267,90 triệu đồng), trong đó; NS tỉnh: 231 triệu đồng (vốn ĐT: 52,40 triệu đồng; vốn SN: 178,60 triệu đồng); NS huyện: 112 triệu đồng (vốn ĐT: 22,70 triệu đồng; vốn SN: 89,30 triệu đồng).

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022 dự kiến là 238.120,95 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 195.713 triệu đồng (vốn ĐT: 156.060 triệu đồng; vốn SN: 39.653 triệu đồng).

- Ngân sách địa phương: 29.507,95 triệu đồng (vốn ĐT: 23.803 triệu đồng; vốn SN: 5.704,95 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 20.082,75 triệu đồng (vốn ĐT: 16.000 triệu đồng; vốn SN: 4.082,75 triệu đồng).

+ Ngân sách huyện 05%: 9.425,20 triệu đồng (vốn ĐT: 7.803 triệu đồng; vốn SN: 1.622,20 triệu đồng).

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội (CSXH): 12.900 triệu đồng.

(Kèm theo biểu chi tiết)

V. GIẢI PHÁP, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu của Chương trình sâu rộng đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người DTTS nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người DTTS, nhất là hộ nghèo, cận nghèo đồng bào DTTS.

2. Từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách tỉnh đối ứng, nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách Xã hội và huy động hợp pháp khác theo quy định; Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn nhất. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

4. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách thuộc Đề án nói chung và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN với Chương trình giảm hộ nghèo đồng bào DTTS của tỉnh; Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS và MN của tỉnh

5. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các

ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Trên cơ sở tổng nguồn lực được Trung ương giao, UBND tỉnh sẽ báo cáo Tỉnh ủy, trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm để giải quyết những nhu cầu bức xúc trên địa bàn theo các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

7. Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Phước và Quyết định số 682/QĐ-BCĐ ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025 ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Cơ quan thường trực của Chương trình (Ban Dân tộc); cơ quan tổng hợp chung các Chương trình Mục tiêu quốc gia của Ban Chỉ đạo của tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND cấp huyện là thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, tham mưu UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc thực hiện Chương trình đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc tỉnh

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình Mục tiêu quốc gia dân tộc và miền núi; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện Chương năm 2022 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện Chương trình chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và UBND cấp huyện tiếp tục rà soát, lựa chọn các nội dung hỗ trợ, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp với các chương trình, dự án khác và các hoạt động thường xuyên của các sở, ngành, địa phương bảo đảm hiệu quả thực hiện Chương trình.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao thực hiện rà soát, đề xuất, quyết định hoặc hướng dẫn các định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật để làm căn cứ triển khai thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung cho Chương trình theo chủ trương đã được phê duyệt, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì xây dựng, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hàng năm sau khi được UBND tỉnh, HĐND tỉnh phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành thực hiện các giải pháp để tăng cường công tác phối hợp và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương, tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp chung Chương trình.

- Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch năm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương rà soát Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp để đảm bảo hoạt động của Chương trình.

- Cân đối, bố trí đủ vốn sự nghiệp và có kế hoạch bổ sung vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, năm 2022 trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; Chủ trì xây dựng hướng dẫn quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

4. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, và các cơ quan có liên quan đề xuất cơ chế, giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu đã được Chính phủ chỉ đạo theo quy định để thực hiện nhiệm vụ Chương trình đề ra.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2022 giao cho các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các địa phương thực hiện đối với Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách năm 2022 để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương triển khai tổ

chức thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ và nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì.

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình, dự án, Đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo của tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc tổng hợp.

- Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các sở, ban, ngành.

- Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh tham gia thực hiện Chương trình: Có trách nhiệm nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các Chương trình mục tiêu, dự án khác được giao chủ trì quản lý bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo. Các cơ quan thông tin truyền thông có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tham gia thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Rà soát, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình hàng năm bao gồm các nội dung: Kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Cơ quan chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình, Ban Dân tộc và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo định kỳ, đột xuất.

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm của từng ngành, UBND cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Căn cứ hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện theo thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung cho các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ

đạo cấp huyện theo quy định.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết và chủ động thực hiện đạt kết quả cao. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ban Dân tộc tỉnh để phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW các Chương trình MTQG (b/c);
- Ủy ban Dân tộc;
- Văn phòng điều phối CT 1719 - UBĐT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTQVN tỉnh;
- CT, Phó CT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LDVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-03).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh